

Số: 95/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định những giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước
ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số
31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản
số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29
tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
10966/TTr-STNMT-VPĐK ngày 22 tháng 10 năm 2024; ý kiến thẩm định của
Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 6874/BC-STP ngày 17 tháng 10 năm
2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định những giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước
ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan nhà
nước có liên quan đến việc giải quyết hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 137 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Điều 3. Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Các giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 137 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, bao gồm:

1. Sổ mục kê được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất theo Chỉ Thị số 299/TTG ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước do cơ quan nhà nước đang quản lý mà có tên người sử dụng đất;

2. Giấy phép ủy quyền nhà ở, ủy quyền sở hữu nhà ở do Sở Quản lý nhà đất và công trình công cộng, Sở Nhà đất hoặc Ủy ban nhân dân quận – huyện cấp, có nội dung công nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở cho người thụ ủy;

3. Hợp đồng mua bán nhà ở trả góp do cơ quan có chức năng thực hiện (xây dựng để bán), kèm Biên bản thanh lý Hợp đồng mua bán nhà ở và Giấy xác nhận đã hoàn tất trả tiền mua nhà trả góp.

4. Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực chữ ký bên mua, bên bán hoặc chứng thực việc mua bán.

Điều 4. Trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quyết định này; định kỳ tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất (nếu có) báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

a) Chịu trách nhiệm rà soát và xác định đúng phạm vi, đối tượng áp dụng theo quy định tại Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

b) Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc; những nội dung chưa phù hợp hoặc mới phát sinh thì Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để được xem xét, chỉ đạo thực hiện.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ban - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 6;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố;
- Các Ban thuộc HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Thành viên UBND Thành phố;
- VPUB: các PCVP;
- Các Phòng NCTH, TTTH, Công báo TP;
- Lưu VT, (ĐT/LT) .

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường